

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 159/2024/ST-HNGĐ

Ngày 25 tháng 12 năm 2024

“V/v: Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A – TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Lệ Hằng.

Hội thẩm nhân dân: Ông Cao Thanh Sâm và bà Phạm Thị Hồng Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Linh – Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Phương M – Kiểm sát viên.

Ngày 25/12/2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 130/2024/TLST-HNGĐ ngày 18/10/2024 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/11/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2024/QĐ-TA ngày 29/11/2024 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Trần Thị K – Sinh năm: 1989.

Nơi cư trú: Thôn L, xã T, huyện A, tỉnh Nghệ An – Có mặt.

*** Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn N – Sinh năm: 1985.

Nơi cư trú: Thôn Long Thọ, xã T, huyện A, tỉnh Nghệ An – Vắng mặt.

*** Người làm chứng:** Bà Nguyễn Thị N – Sinh năm: 1958 và ông Nguyễn Văn M – Sinh năm: 1957 (Là cha mẹ đẻ của anh Nguyễn Văn N) – Cùng nơi cư trú: Thôn L, xã T, huyện A, tỉnh Nghệ An – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị K trình bày:

Chị Trần Thị K và anh Nguyễn Văn N kết hôn vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện T, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc và sinh được 03 người con. Đến năm 2015 thì phát sinh mâu

thuần, nguyên nhân dẫn tới mâu thuẫn do do vợ chồng bất đồng quan điểm do anh N hay uống rượu, đánh đập vợ nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay. Hiện tại tình cảm vợ chồng không còn nên chị K đề nghị Tòa án giải quyết xin được ly hôn anh N.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Văn Tuấn H – Sinh ngày: 09/12/2008, Nguyễn Văn Tuấn T – Sinh ngày: 29/01/2013 và Nguyễn Văn Tuấn T – Sinh ngày: 02/4/2015. Nay ly hôn chị K có nguyện vọng nuôi cả 03 con và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ: Chị Trần Thị K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Văn N vắng mặt, tuy nhiên thông qua bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn M là cha đẻ, mẹ đẻ của anh N, thì anh N có ý kiến như sau:

Vợ chồng chồng đã sống ly thân từ năm 2017, hiện tại anh N đi làm ăn xa, không về được. Nay chị K làm đơn ly hôn thì anh N không ký, không đồng ý ly hôn vì anh N chỉ có một vợ chứ không ly hôn. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn thì giải quyết vắng mặt anh N và anh N có nguyện vọng nuôi cả 3 người con, yêu cầu chị K cấp dưỡng nuôi con theo pháp luật.

- Trong quá trình giải quyết vụ án cháu Nguyễn Văn Tuấn H, Nguyễn Văn Tuấn T, Nguyễn Văn Tuấn T trình bày: Bố cháu là Nguyễn Văn N, mẹ cháu là Trần Thị K. Nay bố, mẹ cháu ly hôn thì cháu muốn được ở với mẹ Trần Thị K.

- Tại phiên tòa người làm chứng bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn M vắng mặt, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án ông M và bà N trình bày:

Anh Nguyễn Văn N là con trai, chị K là con dâu của ông M bà N, vợ chồng anh N và chị K kết hôn vào năm 2007, sau khi kết hôn vợ chồng sống tại nhà ông bà ở thôn L, xã T, sau đó ở riêng trong miền nam và sinh được 03 người con chung là Nguyễn Văn Tuấn H – Sinh ngày: 09/12/2008, Nguyễn Văn Tuấn T – Sinh ngày: 29/01/2013 và Nguyễn Văn Tuấn T – Sinh ngày: 02/4/2015 nhưng vợ chồng đã sống ly thân từ khoảng năm 2017 đến nay. Nay chị K đề nghị ly hôn, anh N không đồng ý vì anh N nói chỉ có một vợ chứ không ly hôn. Nếu chị K muốn ly hôn thì xử theo pháp luật còn anh N không ký và xin vắng mặt. Về nuôi con: Anh N có nguyện vọng nuôi cả 3 con và yêu cầu chị K cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

- Tại phiên Tòa đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện A phát biểu ý kiến về vụ án và về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng trình tự tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình trong suốt quá trình điều tra, hòa giải và xét xử. Bị đơn mặc dù đã được thông báo hợp lệ về việc giải quyết vụ án nhưng không đến Tòa án làm việc, tại phiên

tòa bị đơn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Do đó, Tòa án giải quyết xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm b khoản 1 Điều 39; Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Xử: Cho chị Trần Thị K được ly hôn với anh Nguyễn Văn N; Về nuôi con chung: Giao con chung Nguyễn Văn Tuấn H – Sinh ngày: 09/12/2008, Nguyễn Văn Tuấn T – Sinh ngày: 29/01/2013 và Nguyễn Văn Tuấn T – Sinh ngày: 02/4/2015 cho chị Trần Thị K trực tiếp nuôi dưỡng; Chị Trần Thị K không yêu cầu anh Nguyễn Văn N cấp dưỡng nuôi con; Về án phí: Chị Trần Thị K phải chịu án phí ly hôn theo quy định theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của nguyên đơn, đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Đây là vụ án “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, bị đơn cư trú tại xã T, huyện A, tỉnh Nghệ An. Nên Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An thụ lý và giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và tài liệu chứng cứ liên quan và có đề nghị giải quyết vắng mặt. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự là có căn cứ.

[2] *Về nội dung vụ án:*

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Trần Thị K và anh Nguyễn Văn N kết hôn với nhau vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện T, tỉnh Nghệ An. Hôn nhân hợp pháp, đúng quy định của pháp luật.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc và sinh được 03 con, đến năm 2015 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn tới mâu thuẫn do nguyên nhân dẫn tới mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính cách không hợp nhau. Nên vợ chồng sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị K đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn anh N. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Văn N không đồng ý ly hôn với chị K, tuy nhiên anh N không về Tòa án để hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa. Bên cạnh đó, anh N không chủ động và không có thiện chí gặp chị K để vợ chồng bàn

bạc. Như vậy, việc anh N không đồng ý ly hôn với chị K là nhằm gây khó khăn cho chị K và Tòa án trong việc giải quyết vụ án.

Xét thấy mục đích của hôn nhân là cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc, cùng nhau chăm lo cuộc sống, nuôi con trưởng thành. Nhưng giữa anh N và chị K đã sống ly thân với nhau từ năm 2017 đến nay, vợ chồng không còn quan tâm, yêu thương, quý trọng, chăm sóc và giúp đỡ nhau, tình nghĩa vợ chồng không còn. Do đó hôn nhân giữa chị K và anh N lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không thể đạt được. Việc anh N không đồng ý ly hôn với chị K là không có căn cứ. Nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị K, cho chị Trần Thị K được ly hôn với anh Nguyễn Văn N là có căn cứ theo khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[2.2]. *Về nuôi con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con*: Chị Trần Thị K và anh Nguyễn Văn N có 3 con chung là Nguyễn Văn Tuấn H – Sinh ngày: 09/12/2008, Nguyễn Văn Tuấn T – Sinh ngày: 29/01/2013 và Nguyễn Văn Tuấn T – Sinh ngày: 02/4/2015. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Văn N và chị Trần Thị K đều có nguyện cả 3 con. Xét nguyện vọng nuôi con của các đương sự là chính đáng. Tuy nhiên, xét thấy, mặc dù anh Nguyễn Văn N có nguyện vọng nuôi con nhưng anh N không có mặt tại Tòa án để giải quyết nên không có căn cứ giao con trực tiếp cho anh N chăm sóc, nuôi dưỡng. Vì vậy, cần giao 03 con cho chị Trần Thị K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là có căn cứ theo quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình và phù hợp với nguyện vọng của các con cũng có nguyện vọng ở với chị Trần Thị K.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị Trần Thị K không yêu cầu anh Nguyễn Văn N cấp dưỡng nuôi con. Nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.3]. *Về tài sản chung và nợ*: Chị Trần Thị K không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.4]. *Về án phí*: Chị Trần Thị K phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- **Áp dụng:** Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm b khoản 1 Điều 39; Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH.

Tuyên xử:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Cho chị Trần Thị K được ly hôn với anh Nguyễn Văn N.

- **Về nuôi con chung:** Giao con chung Nguyễn Văn Tuấn H – Sinh ngày: 09/12/2008, Nguyễn Văn Tuấn T – Sinh ngày: 29/01/2013 và Nguyễn Văn Tuấn T – Sinh ngày: 02/4/2015 cho chị Trần Thị K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi, trưởng thành.

- **Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con:** Chị Trần Thị K không yêu cầu anh Nguyễn Văn N cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một hoặc các bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- **Về án phí:** Chị Trần Thị K phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn (Đã nộp 300.000 đồng theo biên lai ngày 18/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Nghệ An).

- **Về quyền kháng cáo:** Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án cấp trên trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND A;
- Chi cục THADS huyện A;
- UBND xã Đ, huyện T, tỉnh Nghệ An (Nơi đăng ký kết hôn);
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Hoàng Thị Lệ Hằng

